

Bản án số **04/2021/HC-ST**

Ngày 02/02/2021

V/v Khởi kiện quyết định hành chính,
hành vi hành chính trong lĩnh vực
quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu On và bà Nguyễn Thị Xuân Thương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Việt Triều.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Đăng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 31/2017/TLST-HC ngày 17 tháng 4 năm 2017 về “Khởi kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 05/2021/QĐXXST-HC ngày 05 tháng 01 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐST-HC ngày 22/01/2021 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Huỳnh Xuân Th – sinh năm 1930; Hộ khẩu thường trú: Thôn Phước L, xã An C, huyện Tuy A, tỉnh Phú Yên. Chỗ ở hiện nay: Số 52/19 đường Nguyễn Công Tr, phường 4, thành phố Tuy H, tỉnh Phú Yên; Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Th:

1/ Ông Huỳnh Xuân H – sinh năm 1971; Địa chỉ: Số 217 đường Lê Lợi, phường 5, thành phố Tuy H, tỉnh Phú Yên; Có mặt.

2/ Ông Phạm P – sinh năm 1958; Địa chỉ: Số 71A đường Duy T, phường 5, thành phố Tuy H, tỉnh Phú Yên; Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Th: Ông Lê Hồng D – Luật sư, Văn phòng luật sư Dân Ý; Địa chỉ: Số 247 đường Nguyễn H, phường 5, thành phố Tuy H, tỉnh Phú Yên; Có mặt.

Người bị kiện: 1/ Ủy ban nhân dân huyện Tuy A, tỉnh Phú Yên;

2/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Tuy A, tỉnh Phú Yên;

Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ UBND xã An C, huyện Tuy A, tỉnh Phú Yên;

2/ Hợp tác xã nông nghiệp An C, huyện Tuy A;

3/ UBND thị trấn Chí Th, huyện Tuy A;

4/ Hợp tác xã nông nghiệp thị trấn Chí Th, huyện Tuy A;

Đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

5/ Vợ chồng ông Phạm Văn Th1 – sinh năm 1968, bà Huỳnh Thị Nh1 – sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn Phước L, xã An C, huyện Tuy A, tỉnh Phú Yên; Ông Th1 có mặt, bà Nh1 vắng mặt.

6/ Vợ chồng ông Đoàn Ngọc M – sinh năm 1964, bà Nguyễn Thị Chín – sinh năm 1965; Địa chỉ: Thôn Phước L, xã An C, huyện Tuy A, tỉnh Phú Yên; Có đơn từ chối tham gia tố tụng.

7/ Bà Nguyễn Thị Hồng D1 – sinh năm 1930; Địa chỉ: Số 52/19 đường Nguyễn Công Tr, phường 4, thành phố Tuy H, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt; Do ông Phạm P đại diện theo ủy quyền; Có mặt.

8/ Vợ chồng ông Nguyễn Văn Nh – sinh năm 1964, bà Huỳnh Thị Lý – sinh năm 1967; Địa chỉ: Số 03/6 đường Duy T, phường 4, thành phố Tuy H, tỉnh Phú Yên; Ông Nh có mặt, bà Lý vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện thống nhất trình bày:

Ngày 01/7/1979 ông Huỳnh Xuân Th có đơn xin đất làm nhà, ngày 03/8/1979 Hợp tác xã Nông nghiệp Nam thị trấn Chí Th xác nhận cấp diện tích 500m² để làm nhà ở, được UBND thị trấn Chí Th xác nhận ngày 06/8/1979. Trong năm 1979 ông Th xây dựng ngôi nhà trên diện tích đất nêu trên, sử dụng ổn định đến nay, không ai tranh chấp, hiện trên đất vẫn có nhà ở. Ngày 22/9/1999 được UBND huyện Tuy A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCN QSD) đất thừa số 673 (tờ bản đồ số 8), diện tích 995m², loại đất “Vườn”, diện tích chưa kiểm tra. Tuy nhiên, khi nhận GCN QSD đất ông Th không kiểm tra, không biết thửa đất 673 là đất vườn.

Ngày 15/9/2004 Chủ tịch UBND huyện Tuy A ban hành Quyết định số 1244/QĐ-UB về việc giải quyết đơn khiếu tố của ông Đoàn Th2, nội dung bác một phần đơn của ông Th2, nghĩa là UBND huyện đã công nhận nhà ở của ông Th trên thửa đất 673 là hợp pháp (*gọi tắt là Quyết định số 1244*).

Năm 2014 Nhà nước thu hồi đất mở rộng Quốc lộ 1A nhưng không bồi thường thì ông mới biết thửa đất số 673 được cấp GCN QSD đất vườn. Ngày 17/10/2016 ông Th có đơn khiếu nại, đến ngày 06/3/2017 Chủ tịch UBND huyện Tuy A ban hành Quyết định số 698/QĐ-CT ngày 06/3/2017 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu), không công nhận các nội dung khiếu nại (*gọi tắt là Quyết định số 698*).

Việc cấp GCN QSD đất 995m² đất vườn là không đúng, vì năm 1979 ông Th được Hợp tác xã, UBND thị trấn Chí Th cấp 500m² đất ở. Mặt khác, theo bản đồ 299/TTg đo đạc năm 1993 thì thửa đất số 673 (tờ bản đồ số 8), diện tích 1.495m² ghi

nhận loại đất thổ cư (T); theo bản đồ địa chính đo đạc năm 1997, thửa số 206 (tờ bản đồ số 18), diện tích 1.080m², ghi nhận loại đất ở nông thôn (ONT). Ngoài ra, căn cứ khoản 2 Điều 6 Quyết định số 38/2014/QĐ-UBND ngày 14/10/2014 của UBND tỉnh Phú Yên thì hạn mức đất ở ông Th được công nhận là 5 x 500m² = 1.250m².

Căn cứ khoản 4 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 thì trường hợp thu hồi đất của ông Th đủ điều kiện để bồi thường. Do đó, ngày 22/3/2017 ông Th có đơn khởi kiện yêu cầu: Hủy Quyết định số 698; UBND huyện Tuy A công nhận thửa đất số 673, diện tích 1.495m² là đất ở; UBND huyện Tuy A bồi thường theo quy định pháp luật đối với diện tích đất 216,4m² đã thu hồi; UBND huyện Tuy A bồi thường chi phí nâng đất làm bờ kè.

Tuy nhiên, tại phiên đối thoại và tại phiên tòa người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bồi thường khi thu hồi đất, bồi thường tiền nâng đất làm bờ kè và hủy một phần Quyết định số 698 về việc giải quyết khiếu nại phần bồi thường. Nay chỉ khởi kiện yêu cầu công nhận diện tích đất có nhà ở hiện ông Th đang quản lý, sử dụng là đất ở; Hủy một phần Quyết định số 698 về việc giải quyết khiếu nại loại đất ở và buộc UBND huyện Tuy A điều chỉnh, sửa đổi lại loại đất vườn thành đất ở trên GCN QSD đất.

Tại Văn bản số 748/UBND ngày 15/5/2020 người bị kiện trình bày:

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Ngày 01/7/1979 ông Huỳnh Xuân Th có đơn xin đất làm nhà, ngày 03/8/1979 Hợp tác xã Nông nghiệp Nam thị trấn Chí Th xác nhận cấp diện tích 500m² để làm nhà ở, được UBND thị trấn Chí Th xác nhận ngày 06/8/1979 (thửa số 673, tờ bản đồ số 8, bản đồ 299/TTg). Thời điểm này hộ ông Th có 08 nhân khẩu và đang ở chung với cha mẹ tại thôn Phú Tân, xã An C.

Theo bản đồ 299/TTg đo đạc năm 1993, tờ bản đồ số 8, thửa đất 673, diện tích 1.495m², loại đất “T”, sổ dã ngoại ghi nhận người sử dụng đất là ông Huỳnh Xuân Th. Theo bản đồ địa chính đo đạc năm 1997, tờ bản đồ số 18, thửa đất số 206, diện tích 1.080m², loại đất “ONT”, tên chủ sử dụng là ông Huỳnh Xuân Th.

Khi UBND xã An C thực hiện Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ quy định về giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp (gọi tắt là Nghị định 64/CP), hộ ông Th được cấp GCN QSD đất vườn diện tích 995m² trong thửa 673, còn lại 500m² trong thửa 673 là đất quy hoạch giao thông do UBND xã An C quản lý; Hộ ông Th được cấp GCN QSD đất ở 200m², tại thửa số 866, tờ bản đồ số 9 nên thửa đất số 673 được cân đối là đất vườn. Mặt khác, Quyết định số 1244 đã ghi rõ thửa 673 chỉ giao cho hộ ông Th 995m² đất vườn, còn lại quy hoạch giao thông 500m².

Việc ông Th yêu cầu UBND huyện công nhận thửa 673, diện tích 995m² là đất ở là không có căn cứ, vì đã được giải quyết tại Quyết định số 1244, nên căn cứ khoản 6 Điều 11 Luật Khiếu nại năm 2011 thì không thụ lý, giải quyết vì thời hiệu, thời hạn khiếu nại đã hết. UBND huyện Tuy A và Chủ tịch UBND huyện Tuy A giữ nguyên Quyết định số 698/QĐ-CT ngày 06/3/2017 của Chủ tịch UBND huyện Tuy A về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu).

Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, đại diện UBND xã An C trình bày:

Đã cung cấp cho Tòa án toàn bộ hồ sơ địa chính và các tài liệu, chứng cứ khác có liên quan đến thửa đất 673 đã được UBND huyện Tuy A cấp GCN QSD đất đứng tên ông Huỳnh Xuân Th. Hiện thửa đất 673 một phần ông Th đang sử dụng, một phần vợ chồng ông Th1, bà Nh1 sử dụng và một phần có mồ mả của gia đình ông M, bà Chín. UBND xã An C không thể xác định được vị trí thửa đất nêu trong đơn xin đất làm nhà năm 1979 của ông Th có đúng vị trí đất hiện ông Th yêu cầu công nhận đất ở hay không, vì bản gốc đã bị sửa chữa, bổ sung, tẩy xóa và không rõ ràng vị trí. UBND xã An C không có thẩm quyền công nhận đất ở cho ông Th, nên đề nghị Tòa xét xử theo quy định pháp luật.

Theo tài liệu có tại hồ sơ, đại diện Hợp tác xã Nông nghiệp An C trình bày:

Từ trước năm 1975 thửa đất ông Th hiện yêu cầu công nhận đất ở thuộc địa bàn thôn Phước L, xã An C. Nguyên thửa đất này là đất màu, ông Th xin cất nhà ở, ngoài ra còn cho cháu ông Th xây dựng nhà ở. Sau khi xem đơn xin đất làm nhà năm 1979 của ông Th thì không thể xác định vị trí thửa đất được nêu trong đơn có đúng vị trí thửa đất hiện ông Th yêu cầu công nhận đất ở hay không.

Theo tài liệu có tại hồ sơ, đại diện UBND thị trấn Chí Th trình bày:

Từ khi thành lập thị trấn Chí Th thì địa giới hành chính giáp xã An C tại đỉnh đèo Tam Giang, như vậy thửa đất ông Th đang yêu cầu công nhận đất ở thuộc thôn Phước L, xã An C chứ không thuộc địa bàn thị trấn Chí Th. Qua xem xét đơn xin đất làm nhà của ông Th được UBND thị trấn ký xác nhận ngày 06/8/1979 thì hiện nay không thể xác định được vị trí thửa đất và đến nay tại địa bàn thị trấn Chí Th ông Th không có quyền sử dụng 500m² đất ở.

Hợp tác xã Nông nghiệp thị trấn Chí Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và trình bày không biết thông tin gì về thửa đất.

Theo các lời khai có tại hồ sơ và tại phiên tòa vợ chồng ông Phạm Văn Th1, bà Huỳnh Thị Nh1 trình bày:

Năm 1996-1997 ông Th có tặng cho vợ chồng ông Th1, bà Nh1 diện tích đất để sản xuất, nhưng vợ chồng ông Th1 đã xây dựng nhà ở ổn định từ đó đến nay, không ai tranh chấp, ông Th có lập giấy tặng cho diện tích là 7m x 50m, quá trình sử dụng Nhà nước thu hồi mở đường nên diện tích đã thay đổi. Hiện nay vợ chồng ông Th1 chưa được cấp GCN QSD đất, chưa làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất. Đề nghị Tòa xét xử theo quy định pháp luật.

Theo các lời khai có tại hồ sơ vợ chồng ông Đoàn Ngọc M, bà Nguyễn Thị Chín trình bày:

Nguồn gốc thửa đất ông Th sử dụng là của gia đình ông M, khi Nhà nước thực hiện chính sách đất đai, đưa vào Hợp tác xã quản lý, sau đó giao cho ông Th sử dụng. Hiện nay thửa đất ông Th với thửa đất của vợ chồng ông là hai thửa riêng biệt, không liên quan đến nhau. Nay vợ chồng ông M không tranh chấp, không có yêu cầu gì.

Tại phiên tòa, vợ chồng ông Nguyễn Văn Nh, bà Huỳnh Thị Lý trình bày: Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Xuân Th, không có yêu cầu hay tranh chấp

đôi với thửa đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Vụ án đã được Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên thụ lý đúng thẩm quyền, còn thời hiệu khởi kiện, xác định đúng đối tượng khởi kiện và tư cách tham gia tố tụng. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định Luật Tố tụng Hành chính. Đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền của mình theo quy định pháp luật. Riêng người bị kiện là UBND huyện Tuy A và Chủ tịch UBND huyện Tuy A chưa thực hiện đúng quy định Luật Tố tụng Hành chính.

Về nội dung: Đối với yêu cầu bồi thường về đất khi nhà nước thu hồi thì ông Th đã tự nguyện rút nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 173 Luật Tố tụng Hành chính đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện này. Đối với yêu cầu công nhận toàn bộ diện tích đất ông Th đang sử dụng là đất ở thì đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng Hành chính, tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện, công nhận 995m² đất thuộc thửa 673, tờ bản đồ số 8 là đất ở, điều chỉnh GCN QSD đất đã cấp cho ông Th, vì có căn cứ pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và Kiểm sát viên.

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, có đơn từ chối tham gia tố tụng, đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai căn cứ Điều 157, Điều 158 và Điều 159 Luật Tố tụng Hành chính, tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngày 22/3/2017 ông Th khởi kiện yêu cầu: Hủy Quyết định số 698; UBND huyện Tuy A công nhận thửa đất số 673, diện tích 1.495m² là đất ở; UBND huyện Tuy A bồi thường theo quy định pháp luật đối với diện tích đất 216,4m² đã thu hồi; UBND huyện Tuy A bồi thường chi phí nâng đất làm bờ kè là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, còn thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên theo Điều 3, Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng Hành chính.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét nguồn gốc diện tích đất ông Huỳnh Xuân Th trình bày ngày 01/7/1979 ông có đơn xin đất làm nhà được Hợp tác xã Nông nghiệp Nam thị trấn Chí Th xác nhận ngày 03/8/1979 và UBND thị trấn Chí Th xác nhận ngày 06/8/1979 cấp 500m² để xây dựng nhà ở, trong quá trình sử dụng tặng cho vợ chồng bà Nh1 diện tích đất hiện có nhà ở của vợ chồng bà Nh1, tặng cho vợ chồng ông M diện tích đất có mồ mả của gia đình ông M, đều chưa lập thủ tục tách thửa nhưng hiện trạng đã sử dụng 03 thửa đất riêng; Đến ngày 22/9/1999 UBND huyện Tuy A cấp GCN QSD đất đứng tên ông Huỳnh Xuân Th, diện tích 995m², thửa số 673, tờ bản đồ số 8 tại thôn Phước L, xã An C, huyện Tuy A, tỉnh Phú Yên.

Qua xem xét đơn xin đất làm nhà do ông Th cung cấp đã bị tẩy xóa, sửa chữa,

bổ sung nhưng tại văn bản trình bày ý kiến UBND huyện Tuy A đã thống nhất vị trí thửa đất 673 có nguồn gốc như ông Th trình bày và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định thửa đất số 673 có nguồn gốc được nhà nước cấp cho ông Th để xây dựng nhà ở từ năm 1979, đến năm 1999 thì được cấp GCN QSD đất 995m².

Theo hồ sơ địa chính được lưu trữ tại UBND xã An C thì diện tích đất 995m², thuộc thửa 673 (diện tích 1.495m²), ký hiệu “T”, tờ bản đồ số 8, bản đồ 299/TTg đo đạc năm 1993; Sổ dã ngoại ghi nhận số thửa A (chính) diện tích 995m², số thửa B (tạm) diện tích 500m², chủ sử dụng ông Huỳnh Xuân Th; Sổ địa chính lập ngày 06/10/1998 ghi nhận: Thửa số 673, tờ bản đồ số 08, địa danh “c.mít”, diện tích 995m², hạng đất 5, tên chủ sử dụng Huỳnh Xuân Th, 500m² hành lang quốc lộ 1A.

Theo bản đồ địa chính đo đạc năm 1997, tờ bản đồ số 18, thuộc thửa số 206 (diện tích 1080m²) và thửa số 852 (diện tích 435m²). Sổ mục kê ghi nhận thửa 206, chủ sử dụng Nguyễn Văn Nh (con rể ông Th), diện tích 1080m² (200m² đất “T”, 200m² đất “QHT” và 680m² đất vườn). Thửa số 852, chủ sử dụng Huỳnh Thị Nh1 (cháu ông Th), diện tích 435m² (200m² đất “T”, 200m² “QHT” và 35m² đất vườn). Theo bản đồ đo đạc chỉnh lý biến động năm 2012, tờ bản đồ số 18, thuộc thửa số 188, diện tích 1.085,8m², chủ sử dụng là ông Huỳnh Xuân Th và thửa 198, diện tích 508,5m² chủ sử dụng là Huỳnh Thị Nh1.

Như vậy, hồ sơ địa chính được lập qua các thời kỳ đều ghi nhận loại đất thổ hoặc đất nhà ở và thực tế trên đất có nhà ở ổn định của ông Th từ trước năm 1993, nhưng đến năm 1999 UBND huyện Tuy A cấp GCN QSD đất 995m², thửa 673 loại đất vườn là không đúng hiện trạng, không đúng mục đích sử dụng đất và không phù hợp hồ sơ địa chính. Ngoài ra, năm 1999 UBND huyện Tuy A cấp GCN QSD đất cho ông Th căn cứ vào bản đồ địa chính đo đạc năm 1993 là không đúng thực tế, vì đến năm 1997 đo đạc bản đồ địa chính đã thể hiện thửa đất 673 tách thành 02 thửa 206 và 852 do hai chủ sử dụng đất khác nhau.

Xét UBND huyện Tuy A cho rằng đã cân đối, giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP cho hộ ông Th thửa số 673, diện tích 995m²; Tuy nhiên, căn cứ Điều 2 Nghị định 64/CP quy định *“Đất nông nghiệp giao cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp bao gồm đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản, các loại đất này gồm cả đất làm kinh tế gia đình trước đây hợp tác xã giao, đất vườn, đất xam canh, đất trống, đồi núi trọc, đất hoang hoá được xác định để sản xuất nông nghiệp”* thì việc đưa đất có nhà ở của ông Th vào cân đối, giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP là không đúng quy định pháp luật.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng Hành chính quy định thẩm quyền của Hội đồng xét xử *“Chấp nhận một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện, tuyên hủy một phần hoặc toàn bộ quyết định hành chính trái pháp luật và quyết định giải quyết khiếu nại có liên quan (nếu có); buộc cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật; đồng thời kiến nghị cách thức xử lý đối với quyết định hành chính trái pháp luật đã bị hủy”*; Vậy, ông Th yêu cầu công nhận đất ở đối với toàn bộ diện tích đất

ông đang quản lý, sử dụng (theo mảnh trích đo hiện trạng ngày 03/11/2020 là 906,7m², có diện tích đất hành lang quốc lộ 1A) và yêu cầu Tòa buộc UBND huyện Tuy A sửa đổi, điều chỉnh lại loại đất trên GCN QSD đất không thuộc thẩm quyền của Hội đồng xét xử; Việc xác định loại đất và hạn mức do cơ quan có thẩm quyền thực hiện theo quy định pháp luật; Hội đồng xét xử chỉ có thẩm quyền tuyên hủy một phần quyết định hành chính trái pháp luật (là GCN QSD đất đã cấp cho ông Th), buộc cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp lại theo quy định pháp luật.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy cần hủy một phần GCN QSD đất đứng tên ông Huỳnh Xuân Th, đối với thửa đất số 673, diện tích 995m² và buộc UBND huyện Tuy A thực hiện thủ tục cấp lại GCN QSD đất cho ông Huỳnh Xuân Th theo đúng quy định pháp luật.

Xét Chủ tịch UBND huyện Tuy A cho rằng thời hiệu khiếu nại yêu cầu công nhận đất ở đối với thửa 673 đã hết nên không công nhận nội dung khiếu nại của ông Th, vì đã được giải quyết tại Quyết định số 1244. Tuy nhiên, Quyết định số 1244 là quyết định giải quyết khiếu nại của ông Đoàn Th2, không phải giải quyết khiếu nại của ông Th và nội dung Quyết định số 1244 căn cứ đơn xin đất làm nhà năm 1979, ông Th xây dựng nhà ở trước khi thực hiện giao đất theo Nghị định 64/CP là 16 năm nên bác nội dung khiếu nại của ông Đoàn Th2. Năm 2016 UBND huyện Tuy A lập thủ tục thu hồi, bồi thường về đất để mở rộng quốc lộ 1A thì ông Th mới biết thửa đất có nhà ở của ông chỉ được xác định là đất vườn và đất quy hoạch giao thông mà không có đất ở nên ông Th có đơn khiếu nại. Vậy, đây là khiếu nại lần đầu của ông Th nhưng Chủ tịch UBND huyện Tuy A cho rằng hết thời hiệu khiếu nại là không có cơ sở, ông Th yêu cầu hủy một phần Quyết định số 698 là có căn cứ.

Qua kiểm tra hồ sơ thu hồi đất đối với thửa 673: Vào năm 1999, thực hiện dự án ADB3 mở rộng quốc lộ 1A, thu hồi 48,4m², bồi thường loại đất vườn (cho hai chủ sử dụng là ông Th và bà Nh1); Năm 2014, thực hiện dự án mở rộng quốc lộ 1A, thu hồi 304,3m², đất quy hoạch giao thông. Hiện nay, theo mảnh trích đo hiện trạng tại buổi xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 03/11/2020 thể hiện diện tích đất ông Th đang sử dụng là 906,7m²; Diện tích đất vợ chồng ông Th1, bà Nh1 sử dụng là 502,6m²; Diện tích đất (có mồ mả) do vợ chồng ông M, bà Chín sử dụng là 187,5m². Vậy, UBND huyện Tuy A cần xem xét lại các diện tích đất bị thu hồi, diện tích đất hiện đang sử dụng, đất quy hoạch giao thông khi cấp lại GCN QSD đất cho ông Huỳnh Xuân Th.

Từ các viện dẫn trên, xét một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Xuân Th là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Xét người khởi kiện tự nguyện rút yêu cầu UBND huyện Tuy A bồi thường khi thu hồi đất (216,4m²), bồi thường chi phí nâng đất làm bờ kè và hủy một phần Quyết định số 698 về việc giải quyết khiếu nại phần bồi thường về đất bị thu hồi nên Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu khởi kiện này.

[4] Về án phí và chi phí xem xét, thẩm định: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Xuân Th nên người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và chi phí xem xét, thẩm định theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 173, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng Hành chính, Điều 99, Điều 100 Luật Đất đai năm 2013.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Xuân Th.

Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 724320 được Ủy ban nhân dân huyện Tuy A cấp ngày 22/9/1999 đứng tên ông Huỳnh Xuân Th, đối với diện tích đất 995m², loại đất vườn, thuộc thửa 673, tờ bản đồ số 8, thời hạn sử dụng đến tháng 5/2015, tại thôn Phước L, xã An C, huyện Tuy A, tỉnh Phú Yên.

Buộc Ủy ban nhân dân huyện Tuy A thực hiện thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Xuân Th theo đúng quy định pháp luật.

Hủy một phần Quyết định số 698/QĐ-CT ngày 06/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tuy A về việc giải quyết khiếu nại của ông Huỳnh Xuân Th, thường trú thôn Phước L, xã An C, huyện Tuy A, tỉnh Phú Yên (phần nội dung giải quyết khiếu nại về đất ở).

Đình chỉ xét xử các yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Xuân Th, gồm: Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Tuy A bồi thường về đất đã thu hồi thực hiện dự án mở rộng quốc lộ 1A (diện tích 216,4m², thửa số 176, tờ bản đồ trích đo 470 579-2-a, bản đồ giải phóng mặt bằng, tại thôn Phước L, xã An C, huyện Tuy A, tỉnh Phú Yên); Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Tuy A bồi thường chi phí nâng đất làm bờ kè; Yêu cầu hủy phần Quyết định số 698/QĐ-CT ngày 06/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tuy A về việc giải quyết khiếu nại của ông Huỳnh Xuân Th, thường trú thôn Phước L, xã An C, huyện Tuy A, tỉnh Phú Yên (phần nội dung giải quyết khiếu nại bồi thường về đất bị thu hồi).

Về án phí: Căn cứ Điều 345 và Điều 348 Luật Tố tụng Hành chính, Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tuy A và Ủy ban nhân dân huyện Tuy A phải liên đới chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Huỳnh Xuân Th số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 1051 ngày 17/4/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên (*Ông Phạm P hoặc ông Huỳnh Xuân H được quyền đại diện nhận lại 300.000đ*).

Về chi phí xem xét, thẩm định: Căn cứ Điều 358, 359 Luật Tố tụng Hành chính. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tuy A và Ủy ban nhân dân huyện Tuy A phải chịu chi phí xem xét, thẩm định.

Ông Huỳnh Xuân Th đã nộp đủ nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tuy A và Ủy ban nhân dân huyện Tuy A phải liên đới hoàn trả cho ông Huỳnh Xuân Th số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng); (*Ông Phạm P hoặc ông Huỳnh Xuân H được quyền đại diện nhận lại 7.000.000đ*).

Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Phòng KTNV và THA;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Ngọc Minh